



Đẳng cấp đầu tư - Thịnh vượng bền vững

VIPS

Dịch vụ Quản lý Danh mục Đầu tư VinaCapital VIPS

Danh mục Đầu tư VinaCapital VIPS là giải pháp đầu tư của VinaCapital với chiến lược đầu tư và quản lý tài khoản riêng biệt dành cho các Quý khách người Việt và nước ngoài có tài sản lớn.



CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

- Tận dụng các cơ hội trên thị trường chứng khoán Việt Nam, danh mục VinaCapital VIPS được đầu tư toàn bộ vào cổ phiếu niêm yết, với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và quản lý rủi ro chặt chẽ.
- Chiến lược đầu tư dựa trên những phân tích kỹ lưỡng của đội ngũ chuyên gia và ban lãnh đạo VinaCapital về các yếu tố nền tảng của doanh nghiệp, kết hợp phân tích tổng thể kinh tế vĩ mô.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital



CÁC LỢI ÍCH CHO NHÀ ĐẦU TƯ

- Cơ hội tốt để đạt được lợi nhuận cao:** VinaCapital đã luôn mang lại lợi nhuận cao, vượt trội so với chỉ số VN-Index trong dài hạn cho nhà đầu tư.
- Kiểm soát rủi ro:** Danh mục VinaCapital VIPS được phân bổ chiến lược và hợp lý giúp cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro.
- Quyền sở hữu tài sản:** Mỗi nhà đầu tư có một tài khoản phụ liên kết với tài khoản chung của danh mục VinaCapital VIPS.
- Dịch vụ chuyên biệt:** VinaCapital VIPS được quản lý bởi các nhà điều hành quỹ giàu kinh nghiệm và được hỗ trợ bởi đội ngũ phân tích gồm 15 chuyên gia Việt Nam và nước ngoài.
- Quản lý chặt chẽ và minh bạch:** VinaCapital VIPS được quản lý bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và được giám sát bởi ngân hàng lưu ký độc lập. Báo cáo hoạt động được gửi hàng tháng để đảm bảo các nhà đầu tư được cập nhật về hiệu suất của VinaCapital VIPS..



ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ

Số tiền đầu tư tối thiểu	10 tỷ đồng cho mỗi hợp đồng
Ngày hiệu lực	Ngày toàn bộ Tài Sản Ủy Thác bắt đầu được ghi có trong Tài khoản Lưu ký.
Thời hạn đầu tư	12 tháng và tự động tiếp tục sau thời gian đó
Tất toán lợi nhuận và vốn gốc	Vào Thời điểm chấm dứt hợp đồng
Phí quản lý	1,5%/ năm trên Giá Trị Tài Sản Gộp của Danh Mục Đầu Tư, được thu từng tháng
Phí thưởng (*)	Phí Thưởng Hoạt Động = 20% x (“NAV trước Phí Thưởng Hoạt Động tại Ngày Chốt Tính Phí” - max (“Ngưỡng Tài Sản để tính Phí Thưởng Hoạt Động”, “HWM”)) <i>Phí Thưởng Hoạt Động được tính nếu NAV trước Phí Thưởng Hoạt Động lớn hơn “Ngưỡng Tài Sản để tính Phí Thưởng Hoạt Động” và HWM tại ngày chốt tính phí. Ngày chốt tính phí: Thời điểm kết thúc mỗi 12 tháng kể từ ngày hiệu lực hoặc Thời điểm chấm dứt hợp đồng.</i>
Phí rút tiền đầu tư trước kỳ hạn 12 tháng đầu kể từ ngày HĐ hiệu lực	1% (*) Nhà đầu tư cần thông báo trước ít nhất 30 ngày. <i>(*) Trên giá trị Tài Sản Ủy Thác mà Nhà Đầu Tư rút ra (hoặc toàn bộ giá trị Tài Sản Ủy Thác tại thời điểm thanh lý Hợp Đồng trong trường hợp thanh lý Hợp Đồng).</i>

(*) Được nêu chi tiết và minh họa trong hợp đồng; xem bảng tính ví dụ bên dưới

Ví dụ: Thông tin hợp đồng ủy thác đầu tư của Nhà Đầu Tư như sau:

Giai đoạn tính phí	NAV đầu kỳ	NAV trước Phí Thưởng Hoạt Động cuối kỳ	HWM (*)	Ngưỡng Tài Sản để tính Phí Thưởng Hoạt Động	Phí thưởng	NAV sau Phí Thưởng Hoạt Động
1	100	120	100	110	20% (120 - 110) = 2	120 - 2 = 118
2	118	90	118	129,8	NA	90
3	90	125	118	99	20% (125 - 118) = 1,4	125 - 1,4 = 123,6
4	123,6	140	123,6	135,96	20% (140 - 135.96) = 0,81	140 - 0,81 = 139,19

(*) HWM (High Water Mark): Mức HWM, là NAV sau Phí Thưởng Hoạt động tại kỳ có Phí Thưởng gần nhất



LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

LỢI NHUẬN TÍNH TỚI 30/09/2023	DANH MỤC ĐẦU TƯ VINACAPITAL VIPS	VN-Index
Lợi nhuận từ đầu năm	24,2%	14,6%
Lợi nhuận ròng 1 năm	14,6%	1,9%
Lợi nhuận ròng trung bình 3 năm	23,2%	8,4%
Lợi nhuận ròng 3 năm	87,0%	27,5%

(*) Tất cả các lợi nhuận đã được trừ phí quản lý và phí thưởng